

Bản án số: 518/2024/DS-PT
Ngày: 10/6/2024
V/v Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Hữu Thái

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Toại

Bà Mai Trần Cảnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2024/TLPT-
DS ngày 02/02/2024, về việc “Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 4010/2023/DS-ST ngày 28/9/2023, của Tòa
án nhân dân thành phố Thủ Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2432/2024/QĐPT-DS
ngày 09 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số:
7101/2024/QĐPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Đại K**, sinh năm 1982

Địa chỉ: **Số A N, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Công ty L.**

Trụ sở: **Số F Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật **Công ty TNHH L:** Ông **Phạm Quốc K1**, chức
vụ: Giám đốc

(Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 10/4/2023)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1998 (Có
mặt).

Địa chỉ: **Lầu E Tòa nhà S, số D U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.**

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 11/4/2023)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Phạm Quốc K1**, Công ty **L**, Đoàn Luật sư Thành phố **H** (xin vắng).

Bị đơn: Ông **Đặng Văn C**, sinh năm 1966

Địa chỉ: **Số A đường số C**, khu nhà ở **A**, khu phố **A**, phường **L** thành phố **T**, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Anh P**, sinh năm 2000 (Có mặt).

Địa chỉ: **Số C L**, phường **C**, thành phố **T**, tỉnh Bình Dương.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/9/2023)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông **Võ Đại K** và bị đơn ông **Đặng Văn C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Đại K và người đại diện hợp pháp là ông Phan Thanh T trình bày:

Ông **Đặng Văn C** là thành viên góp vốn của **Công ty Trách nhiệm hữu hạn F** (sau đây gọi là **Công ty F1**). Do gặp khó khăn về kinh tế, ông **C** có chào bán một phần vốn góp của mình tại **Công ty F1** cho ông **Võ Đại K**, đồng thời ông **C** sẽ thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để cập nhật tên ông **K** vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và ông **K** trở thành thành viên góp vốn của **Công ty F1** nếu ông **K** nhận chuyển nhượng phần vốn góp đó.

Ngày 24/4/2020, ông **C** và ông **K** đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng vốn và văn bản thỏa thuận chuyển nhượng phần vốn góp từ ông **C** sang cho ông **K**, với tổng giá trị vốn chuyển nhượng là 200.000 USD (tương đương 4.600.000.000 đồng) là 5% giá trị phần vốn góp tại **Công ty F1**.

Thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng vốn, ông **K** đã thanh toán đủ cho ông **C** số tiền 4.600.000.000 đồng, gồm 02 đợt vào ngày 05/5/2020 và ngày 14/5/2020. Tuy nhiên, ông **C** lại không thông báo cho công ty và các thành viên còn lại của **Công ty F1** để tiến hành thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cập nhật tên ông **K** lên danh sách thành viên góp vốn của **Công ty F1**. Sau nhiều lần trao đổi, ngày 02/5/2021 tại trụ sở **Công ty F1** giữa ông **C** và ông **K** đã thống nhất ký thỏa thuận thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 24/4/2020, theo đó ông **C** có trách nhiệm chuyển trả lại cho ông **K** toàn bộ số tiền gốc là 4.600.000.000đ (bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) trong thời gian từ 01/5/2021 đến ngày 30/10/2021 và cam kết trả lãi phát sinh với mức lãi suất 0,7%/tháng. Sau ngày 01/11/2021 nếu ông **C** chưa trả đủ số tiền gốc 4.600.000.000 đồng thì sẽ tính theo mức lãi suất là 1,4%/tháng.

Ngày 11/5/2022 giữa ông C và ông K đã ký Bản cam kết về việc thanh toán công nợ, theo đó số tiền gốc ông C đang nợ là 4.600.000.000 đồng. Tổng tiền lãi đã phát sinh tính từ ngày 01/5/2021 đến 11/5/2022 là 608.580.000 đồng. Trước đó, ngày 29/11/2021 và ngày 27/01/2022 ông C đã thanh toán cho ông K một phần nợ lãi là 343.200.000 đồng. Tiếp theo, ngày 16/5/2022 ông C trả cho ông K số tiền lãi là 64.000.000 đồng, ngày 10/8/2022 trả tiền lãi là 96.600.000 đồng.

Tính đến khi khởi kiện ngày 29/3/2023 ông C còn nợ ông K số tiền 4.865.380.000 đồng (gồm nợ gốc là 4.600.000.000 đồng và lãi phát sinh là 265.380.000 đồng). Do đó, ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C trả tiền 4.865.380.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho ông K tương đương số tiền lãi chậm trả theo lãi suất 1,4%/tháng trên số tiền chậm thanh toán từ ngày 11/5/2022 đến 11/3/2023 là 681.153.200 đồng, trong đó số tiền lãi đã thanh toán là 160.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi còn lại mà ông C phải thanh toán là 520.553.200 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến thời điểm nộp đơn là 5.385.933.200 đồng.

Bị đơn ông Võ Đại K và người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Anh P trình bày:

Ông Đặng Văn C thừa nhận có giao dịch chuyển nhượng vốn góp với ông Võ Đại K. Các bên có ký cam kết trả nợ lập ngày 11/5/2022, ông C thừa nhận trách nhiệm theo bản cam kết đã lập và đồng ý trả số nợ gốc là 4.600.000.000đ (bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) và toàn bộ lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất thỏa thuận là 1,4%/tháng, sau khi xét xử thì tính theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 4010/2023/DS-ST ngày 28/9/2023, của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ tại khoản 1 Điều 275, Điều 278, Điều 280, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 6, 7, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông **Đặng Văn C** có trách nhiệm thanh toán toàn nợ cho ông **Võ Đại K**, gồm: Nợ gốc 4.600.000.000 đồng; lãi xác nhận 104.780.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 28/9/2023 là 681.757.808 đồng. Tổng cộng nợ phải trả là 5.386.537.808đ (Năm tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).

Lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc tương ứng, kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi tất toán nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận là 1,4%/tháng.

Thực hiện trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành án. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/10/2023, ông **Đặng Văn C** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông **Võ Đại K**.

Ngày 01/11/2023, ông **Phan Thanh T** là đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Võ Đại K** có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi của ông **K** trên số tiền chậm thanh toán là 4.704.780.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi, vì: theo Bản cam kết ngày 11/5/2022 hai bên thống nhất nợ gốc là 4.600.000.000 đồng, nợ lãi là 265.380.000 đồng, tổng số tiền mà ông **C** còn nợ là 4.865.380.000 đồng. Thời hạn thanh toán là 06 tháng kể từ ngày ký cam kết. Tuy nhiên, thời gian này ông **C** đã thanh toán được 160.600.000 đồng tiền lãi, do đó nợ lãi chưa thanh toán còn lại là 104.780.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 11/11/2022 là thời hạn thanh toán thì tổng số tiền ông **C** còn nợ là 4.704.780.000 đồng. Như vậy, phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền là đối với số tiền 4.704.780.000 đồng nên phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông **Đặng Văn C** là bà **Nguyễn Anh P** có trình bày ý kiến như sau: Việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là không khách quan, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn,

sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi vì bản chất ở đây là giao dịch chuyển nhượng vốn bị vô hiệu, nên chỉ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn kháng cáo trong hạn luật định.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ, đủ cơ sở để khẳng định ông **Đặng Văn C** còn nợ ông **Võ Đại K** tiền gốc là 4.600.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/11/2022 là 104.780.000 đồng. Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự thì ông **C** phải có nghĩa vụ trả cho ông **Võ Đại K** tiền vốn và lãi còn thiếu, đồng thời còn phải trả tiền lãi chậm trả đối với toàn bộ số tiền vốn và lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm và buộc ông **Đặng Văn C** phải trả thêm cho ông **Võ Đại K** tiền lãi là 9.243.605 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không tính án phí trên yêu cầu không chấp nhận là còn thiếu sót. Tuy nhiên, do đề nghị sửa án nên phần án phí này cũng phải điều chỉnh lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông **Đặng Văn C** và người đại diện hợp pháp của ông **Võ Đại K** là ông **Phan Thanh T** trong hạn luật định, trong phạm vi ủy quyền, hợp pháp nên được chấp nhận về hình thức.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xác định đúng quan hệ tranh chấp, xét xử đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục chuyển vụ án từ thủ tục rút gọn qua thủ tục thông thường bằng việc thể hiện nội dung

chuyển vụ án sang thông thường trong Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho bị đơn và nguyên đơn vào ngày 24/7/2023 về Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải có thể hiện nội dung chuyển vụ án sang thủ tục thông thường và các đương sự không có ý kiến. Việc Thông báo của cấp sơ thẩm là có sai sót về mặt hình thức nhưng không thay đổi nội dung vụ án. Do đó, cần rút kinh nghiệm.

- **Về nội dung:** Xem xét kháng cáo và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Ngày 24/4/2020, giữa ông **Đặng Văn C** và ông **Võ Đại K** ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn đối với 5% phần vốn góp của ông **C** trong **Công ty TNHH F** với giá trị chuyển nhượng là 200.000 USD, quy đổi tương đương 4.600.000.000 đồng.

Ngày 02/5/2021, giữa nguyên đơn và bị đơn ký Thỏa thuận thanh lý hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với nội dung:

“...

2/ Bên A có trách nhiệm chuyển trả lại số tiền cho bên B là ông **Võ Đại K** từ ngày 01/05/2021 – 30/10/2021 số tiền 4,6 tỷ đồng cộng với lãi suất 0,7%/tháng...

3/ Sau ngày 01/11/2021 bên A tức là ông **Đặng Văn C** chưa trả đủ số tiền 4,6 tỷ đồng thì lãi suất sẽ được tính là 1,4%/tháng...”

Ngày 11/5/2022, giữa nguyên đơn và bị đơn ký Bản cam kết với nội dung:

“Số tiền gốc ông **Đặng Văn C** đang nợ ông **Võ Đại K** là 4.600.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tiền lãi trả chậm 2 bên thống nhất mức lãi suất: 1,4%/tháng.

Tính đến ngày 11/5/2022, tổng số tiền gốc và lãi ông **C** phải trả ông **K** là 4.865.380.000 đồng (trong đó tiền lãi là 265.380.000 đồng).

Ông **C** cam kết sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc trong vòng 6 (sáu) tháng (kể từ ngày 11/5/2022). Trong thời gian này, phần lãi ông **C** sẽ thanh toán vào cuối mỗi tháng”.

[2] Các nội dung thỏa thuận này phía nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều thống nhất, không phản đối, không yêu cầu xem xét tính hợp pháp của các văn bản này, xác định đúng nội dung thỏa thuận nên đây được coi là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thỏa thuận trên là thỏa thuận làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả do không thực hiện được thủ tục chuyển nhượng cổ phần. Đây là nghĩa vụ dân sự phát sinh do thỏa thuận được quy định tại Điều 275 Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Thỏa thuận ngày 11/5/2022 ông **Đặng Văn C** có nghĩa vụ trả 4.865.380.000 đồng, trong đó tiền lãi là 265.380.000 đồng tính theo lãi suất 1,4%/tháng, thì thỏa thuận này là đúng pháp luật theo quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, nên ghi nhận.

[4] Theo thỏa thuận ngày 11/5/2022 có nội dung: “Ông **C** cam kết sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc trong vòng 6 (sáu) tháng (kể từ ngày 11/5/2022). Trong thời gian này, phần lãi ông **C** sẽ thanh toán vào cuối mỗi tháng”. Hai bên không nói rõ “phần lãi ông **C** sẽ thanh toán vào cuối mỗi tháng” là tiền lãi gì (là tiền lãi 1,4%/tháng của 06 tháng trên số vốn gốc hay số tiền lãi đã tính là 265.380.000 đồng), tuy nhiên, cụm từ “phần lãi sẽ được thanh toán vào cuối mỗi tháng” được hiểu là lãi của từng tháng, nghĩa là lãi suất 1,4%/tháng tính trên vốn gốc 4.600.000.000 đồng. Thỏa thuận này phù hợp pháp luật, nên ghi nhận.

[5] Theo thỏa thuận ngày 11/5/2022 thì đến ngày 11/11/2022 ông **C** phải có

nghĩa vụ trả hết cho ông **K** tiền vốn gốc, nhưng ông **C** không thực hiện đúng cam kết nên ông **C** phải có nghĩa vụ trả tiền chậm trả tính từ ngày 12/11/2022 cho đến khi trả xong phần vốn.

[6] Về tiền lãi, hai bên không xác định thời hạn trả tiền lãi đối với số tiền 265.380.000 đồng là bao lâu nên đây được xác định là nghĩa vụ không kỳ hạn và bên có nghĩa vụ sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho bên có quyền khi bên có quyền yêu cầu. Thực tế, ông **C** đã thanh toán một phần tiền lãi và chỉ còn nợ lại tiền lãi là 104.780.000 đồng. Do không có thỏa thuận về mức lãi nếu vi phạm nghĩa vụ chậm trả nên mức lãi được áp dụng là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thời hạn yêu cầu tính từ khi thụ lý vụ án là ngày 27/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 28/9/2023: $104.780.000 \text{ đ} \times 4,16\%$ (là số lãi của 05 tháng) = 4.358.848 đồng.

[7] Án sơ thẩm tuyên buộc số tiền còn phải thi hành tổng cộng là 4.704.780.000 đồng nhưng chỉ tính nghĩa vụ chậm trả tính trên số nợ gốc, mà không tính trên tổng số tiền phải thi hành kể từ ngày xét xử sơ thẩm là chưa đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, nghĩa vụ chậm trả đối với số tiền 104.780.000 đồng được tính từ khi có đơn yêu cầu thi hành án (do không có thỏa thuận về lãi suất) cho đến khi thi hành án xong và với mức lãi 10%/năm.

Bản án sơ thẩm quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong việc tính tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trên số tiền là 4.600.000.000 đồng là có cơ sở một phần, nên cần sửa lại cho đúng. Mặt khác, phần quyết định lại không xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với phần không chấp nhận là chưa đúng quy định của pháp luật. Như vậy, kháng cáo của hai bên đương sự đều được chấp nhận một phần.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là được chấp nhận một phần.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 92, Điều 148, khoản 3 Điều 272, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 124, 274, 275, 317, 319, 328, 351, 357, 404 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 4010/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông **Đặng Văn C** có nghĩa vụ trả cho ông **Võ Đại K** số tiền gồm: Nợ gốc 4.600.000.000 đồng; lãi trong hạn 104.780.000 đồng; lãi chậm trả của vốn gốc phát sinh đến ngày 28/9/2023 là 681.757.808 đồng; lãi chậm trả của số tiền 104.780.000 đồng là 4.358.848 đồng. Tổng cộng nợ phải trả là 5.390.896.656đ (Năm tỷ, ba trăm chín mươi triệu, tám trăm chín mươi sáu ngàn, sáu trăm năm mươi sáu đồng).

2.2. Đối với số tiền vốn gốc và lãi chậm trả của vốn gốc (4.600.000.000 đồng + 681.757.808 đồng): Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,4%/tháng.

2.3. Đối với số tiền 104.780.000 đồng và tiền chậm trả 4.358.848 đồng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

2.4. Thực hiện trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Đặng Văn C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.390.896đ (Một trăm mười ba triệu, ba trăm chín mươi ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng).

Ông **Võ Đại K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 558.520đ (Năm trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm hai mươi đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông **K** đã nộp là 56.692.966đ (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0003054 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Sau khi căn trừ hoàn trả cho ông **Võ Đại K** số tiền 56.134.446đ (Năm mươi sáu triệu, một trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông **Võ Đại K**, ông **Đặng Văn C** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

H lại cho ông **Võ Đại K** số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0006216 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh do ông **Phan Thanh T** là đại diện hợp pháp đứng tên nộp.

H lại cho ông **Đặng Văn C** số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0006071 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Hữu Thái

